



zào chéng

造成

Verb · give rise to; bring about; cause

Example Sentences

xià yǔ zào chéng lù huá
下雨造成路滑。

The rain caused the road to be slippery.

zhè chǎng dà yǔ zào chéng le yán zhòng de jiāo tōng dǔ sè
这场大雨造成了严重的交通堵塞。

This heavy rain caused serious traffic congestion.

tā chí dào zào chéng le huì yì tuī chí
他迟到造成了会议推迟。

His lateness caused the meeting to be postponed.

Trace each character, then write the word on your own.

造 造 造 造 造 造 造 造 造 造 造

造 造

成 成 成 成 成 成 成 成 成